

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 8 - 2022

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Năng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Tuấn

2. Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 514/2022/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm: 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Số 52/6C, Bùi Hữu N, khu vực 6, phường Bình T, quận Bình T, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Việt T, sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Sờ T, xã Bàn Tân Đ, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, chị T là nguyên đơn trình bày:

Tôi và anh T kết hôn năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không còn

phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm, cuộc sống hằng ngày thường cự cãi nhau. Xét thấy chúng tôi không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chúng tôi có với nhau 01 con chung là Nguyễn Ngọc Thủy T - Sinh ngày 08/4/2011, tôi yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và tại phiên tòa, anh T là bị đơn trình bày: Thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị T, đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc Thủy T - Sinh ngày 08/4/2011 cho chị T trực tiếp nuôi. Tôi không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T là bị đơn cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, kể từ năm 2010. Quá trình chung sống anh, chị có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn là vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Cho nên, quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là không có giá trị pháp lý, căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, anh chị thống nhất thỏa thuận. Chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên của anh chị. Xử giao cháu Nguyễn Ngọc Thủy T - Sinh ngày 08/4/2011 cho chị T trực tiếp nuôi con, anh T không phải cấp dưỡng. Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung.

Về tài sản và nợ chung: Anh, chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 và Điều 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân không công nhận chị Nguyễn Thị Diễm T và anh Nguyễn Việt T là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Thủy T - Sinh ngày 08/4/2011, anh T không phải cấp dưỡng. Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung.

3. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 8656 ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 25/8/2022.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND huyện Giồng Riềng;
- THA huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Năng